



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android_ Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 45/2019

05/11/2019 – 11/11/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này giảm mạnh hơn 20% so với tuần trước, hiện dưới mốc 1.400 điểm. Tuy nhiên, giao dịch mua bán vẫn tương đối sôi động nhưng tập trung ở phân khúc tàu 7 vạn và 5 vạn. Hiện giá tàu 5 vạn không có thay đổi so với một hai tháng trước. Ở phân khúc handysize tuần này chỉ ghi nhận tàu Sea Magic (21.270 dwt đóng 2007 Trung Quốc DD 4/2020 SS 4/2022) được bán với giá 3,1 triệu đô la Mỹ. Tàu giá rẻ là do máy chính Pielstick, máy đèn Caterpillar và Cumin, chỉ có 3 cầu 25 tấn và tàu tạm dừng hoạt động (laid-up) ở Philippines từ tháng 4 đến nay. Nếu chỉ số thuê tàu BDI tiếp tục ở mức thấp như hiện nay trong vài tuần sắp tới thì giá tàu sẽ điều chỉnh.

Ở mảng tàu dầu, báo cáo ghi nhận nhiều thương vụ thành công, trải dài từ phân khúc VLCC đến MR. Tiêu biểu kể đến lần rao bán thứ hai trong năm của tàu VLCC Phoenix Vanguard (306.506 dwt đóng 2007 Hàn), thu hút 14 người khảo sát, đã về tay chủ tàu Hy Lạp là Delta Tankers với giá gần 42 triệu đô la Mỹ. Được biết lần trả giá đầu tiên của tàu ở mức 38,75 triệu đô la Mỹ. Báo cáo tuần này cũng ghi nhận tàu Mr Orestes (50.106 dwt đóng 2009 Nhật) được bán thành công cho chủ tàu Atlantica Shipping với giá 19,1 triệu đô la Mỹ. Đây là mức giá hợp lý so với các tàu cùng size. Bên cạnh đó, Torm cũng bán thành công tàu Torm Rosetta (47.015 dwt, đóng 2003 Nhật, có buồng bơm, dự kiến DD tiếp theo vào tháng 12 năm nay) với giá 9,7 triệu đô la Mỹ. Gần đây vào tháng 7, Torm cũng bán tàu cùng cỡ là Torm San Jacinto (47.038 dwt, đóng 2002 Nhật, có buồng bơm) với giá khoảng 8 triệu đô la Mỹ, mức này nếu so với giá tàu Torm Rosetta vừa bán cho thấy thị trường hiện tại đang khá tốt.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Desert Eagle	2002	Korea	74,141	Phillipines, Atlantic Bulk Carriers	8.20	
Bulk Patriot	1996	Japan	70,165	Undisclosed	4.40	
Mandarin Phoenix	2010	China	57,000	Chinese, COSCO Shipping	80.00	
Mandarin Eagle	2008	China	56,876			
Mandarin River	2011	China	56,774			
Mandarin Hantong	2011	China	56,741			
Mandarin Singapore	2011	China	56,723			

Mandarin Noble	2012	China	56,693			
Mandarin China	2010	China	45,950			
Mandarin Dalian	2010	China	47,574			
Krania	2010	Korea	57,696	Greek, Econav	10.70	
New Orion	2003	Korea	52,191	Undisclosed	7.10	
Akson Sara	2001	Japan	50,913	Chinese	6.60	
Sea Magic	2007	China	21,274	Undisclosed	3.10	M/E Pielstick, laid up since Apr 2019, SS Apr 2022, DD Apr 2020
TANKERS						
Sea Latitude	2001	Korea	309,285	Singaporean, Ocean Tankers	22.50	
Phoenix Vanguard	2007	Korea	306,506	Greek, Delta Tankers	41.50	
Northern Pearl	1999	Japan	108,468	Undisclosed	7.70	
Seanostrum	2002	Japan	107,144	UAE, Marshal Shipping Dubai	Undisclosed	
Mr Orestes	2009	Japan	50,106	Norwegian, Atlantica Shipping	19.10	SS passed Oct 2019
Torm Rosetta	2003	Japan	47,015	Undisclosed	9.70	
CONTAINERS						
OTHERS						
BW Nantes	2003	Japan	44,773	Bahamas, TGO Ltd	32.00	LPG, 58512 cbm
BW Nice	2003	Japan	44,639		32.00	LPG, 58186 cbm

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	211,000 dwt	Undisclosed	1	Japan Marine United, Japam	K Line, Korea	2021	
Bulker	210,000 dwt	56.00	2	SWS, Shanghai	Polaris Shipping, Korea	1Q 2021	
Bulker	83,000 dwt	33.50	2	Sasebo Shipyard, Japan	Steamship, Taiwan	SH 2021	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước thuê phân khúc **Panamax** tuần này tiếp tục giảm, đóng cửa ở mức 10.364 đô la Mỹ, giảm so với tuần trước là 1.778 đô la Mỹ. Tại thị trường Thái Bình Dương, Grand Fortune Marine chốt tàu Bei Lun Hai Shi (75.971 dwt, 2001) nhận tại Guangzhou qua Indonesia và trả tại South China với giá 10.500 đô la Mỹ. Tongli chốt tàu Tai Hang 8 (72.270 dwt, 1999) nhận tại Meizhou qua Indonesia và trả tại South China với giá 10.250 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, ACB chốt tàu Bei Lun Hai Shi (75.318 dwt, 2006) nhận tại Brake và trả tại Skaw – Gibraltar qua Baltic với giá 12.000 đô la Mỹ. Với các tuyến một chiều, Oldendoff chốt tàu Saita I

(81.922 dwt, 2014) nhận tại East Coast South America và trả tại khu vực Singapore – Japan với giá 16.600 đô la Mỹ cộng 600.000 đô la Mỹ phí Ballast. Tại thị trường định hạn, tàu JY Atlantic (81.112 dwt, 2019) được chốt nhận tại Chengxi và trả tại cảng bất kỳ với giá 13.000 đô la Mỹ.







Tình hình tương tự ở phân khúc tàu **Supramax**, chỉ số BSI đóng cửa ở mức 9.278 đô la Mỹ, giảm mạnh so với tuần trước là 11.590 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, tàu White Hawk (61.360 dwt, 2012) chốt nhận tại Santos và trả tại Los Angeles với giá 15.000 đô la Mỹ. Tàu Ken Colon (63.512 dwt, 2018) được chốt nhận tại Yuzhny và trả tại South Spain với giá 14.000 đô la Mỹ. Ở khu vực Ấn Độ Dương, tàu Aifanourious (50.220 dwt, 2002) được chốt nhận chờ đá vôi tại Mina Sagr và trả tại East Coast India với giá 12.000 đô la Mỹ. Tàu Nemea (61.300 dwt, 2015) được chốt nhận tại Richards Bay và trả tại Pakistn với giá 12.000 đô la Mỹ cộng thêm 200.000 đô la Mỹ phí ballast. Tại Thái Bình Dương, tàu DK Initio (58.665 dwt, 2010) được chốt nhận tại Yangjajang qua Indonesia và trả tại South East Asia với giá 6.000 đô la Mỹ mặc dù có tin đồn là 8.000 đô la Mỹ.

Cước phân khúc **Handy** giảm 589 đô la Mỹ so với tuần trước, chỉ số BHSI đóng cửa ở mức 7.09 đô la Mỹ, các giao dịch tập trung chủ yếu ở Đại Tây Dương. Ở khu vực Continent, tàu 34.000 dwt được chốt với giá 9.750 đô la Mỹ cho chuyến đi từ Rouen đến Algeria. Một tàu 37.000 dwt open Skaw được chốt đi South Brazil với mức giá 9.400 đô la Mỹ trong khi đó tàu SSI Reliance (36.056 dwt, 205) open Immingham được Nordic chốt đi East Mediteranean với giá 11.000 đô la Mỹ. Tàu Hope (34.146 dwt, 2011) được chốt nhận tại US Gulf và trả tại khu vực Carribean với giá 10.000 đô la Mỹ. Thị trường Thái Bình Dương tuần này đang có dấu hiệu phục hồi. Ở khu vực phía Bắc, tàu 38.000 dwt được chốt tại phía Nam với giá 8.250 đô la Mỹ. Trong khi đó ở khu vực phía Nam, tàu Great Beauty (38.645 dwt, 2018) open Hong Kong được chốt nhận tại Australia với giá 9.500 đô la Mỹ và tàu 32.000 dwt open Việt Nam được chốt đi China với giá 8.500 đô la Mỹ. Thị trường các tuyến định hạn vẫn duy trì trạng thái im ắng, rất ít chủ hàng tỏ vẻ thiện chí trong khi các chủ tàu vẫn không chịu hạ thấp mức giá thuê tàu hiện tại.

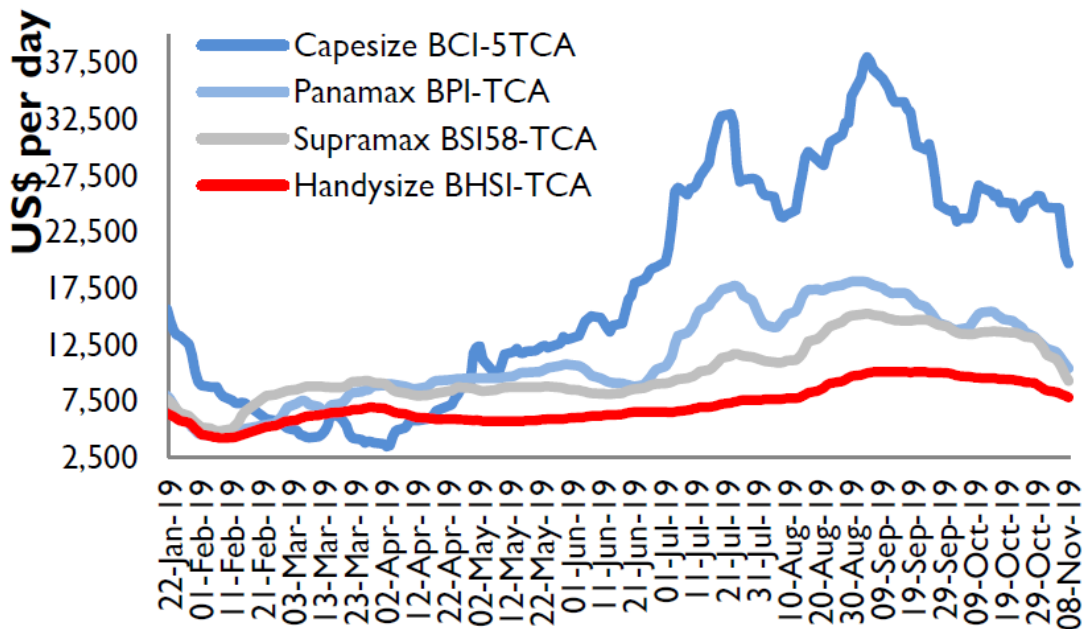
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 45 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 45	TUẦN 44	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 45)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 45)
TRANSATLANTIC RV	9,410	11,780	2,200	21,345
TCT CONT/F.EAST	20,155	22,168	1,200	29,714
TCT F.EAST/CONT	5,011	5,389	810	6,589
TCT F.EAST RV	9,925	11,197	4,400	16,181
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	10,969	12,801	5,000	18,389
PACIFIC RV	9,957	11,936	5,800	12,786
TCT CONT/F.EAST	21,550	25,107	12,000	28,686

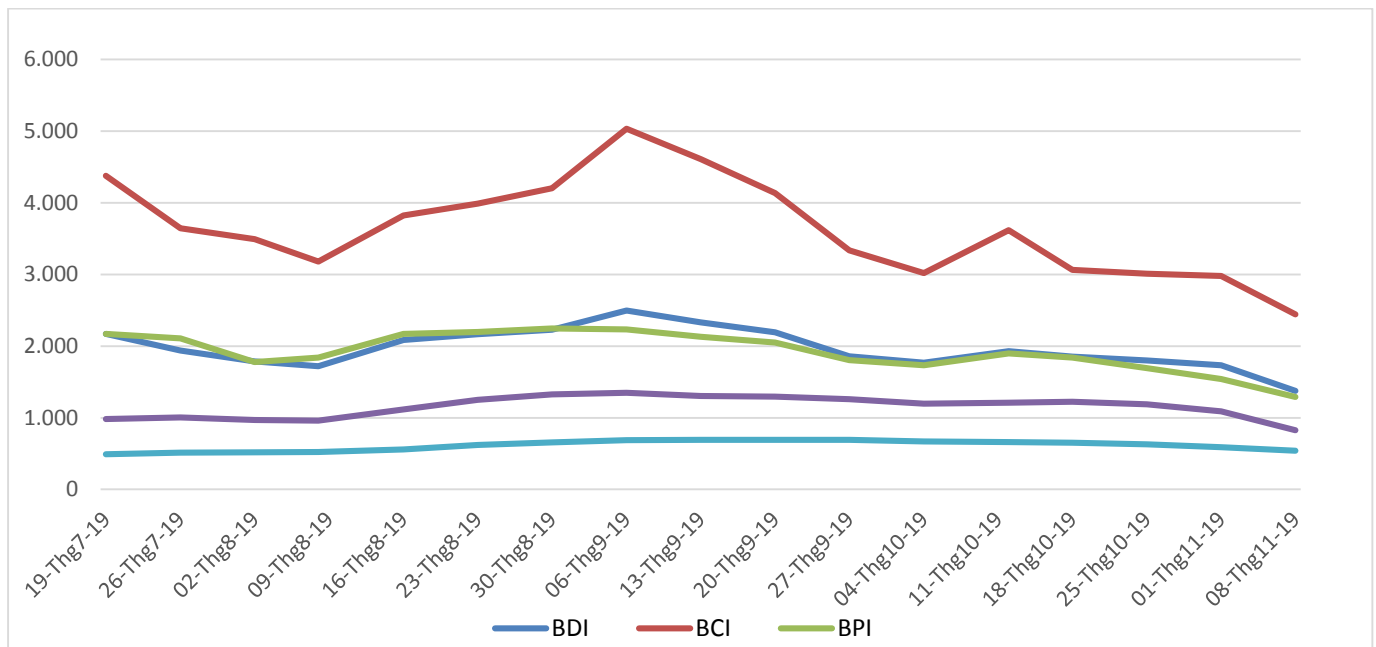
GIA THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 08/11/2019

	US\$/ngày	 / 
CAPE SIZE	19,716	 5,202
PANAMAX	10,364	 2,016
SUPRAMAX	9,841	 2,270
SMALL HANDY	7,809	 751

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC

Chỉ số của thị trường VLCC không mấy khả quan so với tuần trước. Mức cước các tuyến từ MEG vẫn tiếp tục giảm nhẹ như MEG/West từ WS \$56 còn WS \$50, MEG/Japan giảm 7,5 điểm và MEG/Singapore giảm 2,5 điểm và hiện đang dao động quanh mức WS \$90. Danh sách các tàu dài trong khi chỉ có hàng lẻ được đưa vào thị trường gây mất cân bằng cho mức cước vốn đã rất thấp, nguyên nhân là do xu hướng tìm kiếm các tàu mới đóng, hiện đại thay cho nguồn cung các tàu bị hạn chế, tàu cũ đang trôi nổi trên thị trường.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	50,0	56,0	18,0	120,0
MEG/Japan	VLCC	85,0	92,5	38,0	180,0
MEG/Singapore	VLCC	90,0	92,5	38,0	180,0
WAFR/EAST	260.000	90,0	94,0	39,0	180,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	50.000	55.000	55.000	28.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Mức cước phân khúc Aframax tuần này tiếp tục trên đà giảm mạnh. Ở thị trường North Sea và Baltic, giá đã giảm xuống đáng kể so với các tuần trước. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu hụt nguồn hàng hóa. Tuyến N.Afr/Euromed giảm nhẹ 15 điểm, hiện đang dao động quanh mức WS \$95. Tương tự, các tuyến khu vực Meds và Black Sea, dù vẫn có các hoạt động giao dịch nhưng vẫn không đủ ảnh hưởng tích cực đến tỷ lệ mức cước và danh sách dài các tàu đang chờ hiện nay. Tuyến Caribs/USG tiếp tục mất 40 điểm và hiện đang dao động ở mức WS \$130.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	95,0	110,0	80,0	225,0
UK/Cont	80.000	95,0	100,0	80,0	195,0
Caribs/USG	70.000	130,0	170,0	67,5	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	26.000	26.500	26.500	18.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Mức cước tuần này vẫn tiếp tục giảm ở hầu hết các tuyến. Theo báo cáo, cước trên khu vực từ WC.India đi Japan giảm 17 điểm, dao động quanh mức WS \$143. Trong khi đó ở thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan đột ngột tăng và dao động ở mức WS \$330', tăng so với tuần trước là WS \$300'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Tương tự khu vực phía đông, cước trên các tuyến thị trường phía tây tuần này giảm đáng kể so với tuần trước. Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC giảm 30 điểm, dao động quanh mức WS \$130. Ngược lại với tình hình trên, cước ở khu vực USG/UKC tăng nhẹ 10 điểm và hiện ở mức WS \$125.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	38.000	143,0	160,0	105,0	230,0
UKC-Med/States	38.000	130,0	160,0	90,0	170,0
USG/UKC-Med	38.000	125,0	115,0	67,5	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	17.000	16.500	15.500	13.250

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	330	▼ 30	340	▼ 40
2	Pakistan	340	▲ 5	360	▼ 10
3	India	350		365	▼ 5
4	Turkey	210	▲ 230	220	▲ 20

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 45/2019

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Fso Condor	Tanker	1983	12,877	Undisclosed	431.00	63,155	As is Malaysia
Valaris 5006	Bulker	1999	23,000	Undisclosed	303.00	22,246	As is Johore

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.